

# Chùa An Lạc

1647 East San Fernando Street

San Jose, CA 95116

(408) 254 – 1710

anlactu1647@proton.me

# Bảng Sao Hạn Năm Ất Tỵ 2025

Mệnh Hoả/Cung Cấn,Đoài/ Tam Tai: Hợi,Mão,Mùi

TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN
11	Bính Thân 2015	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Tam Kheo Thiên Tinh	27	Kỷ Mão 1999	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	43	Quý Hợi 1983	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng
12	Ất Mùi 2014	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	28	Mậu Dần 1998	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	44	Nhâm Tuất 1982	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La
13	Quý Tỵ 2013	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	29	Đinh Sửu 1997	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	45	Tân Dậu 1981	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
14	Nhâm Thìn 2012	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	30	Bính Tý 1996	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	46	Canh Thân 1980	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
15	Tân Mão 2011	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	31	Ất Hợi 1995	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	47	Kỷ Mùi 1979	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
16	Canh Dần 2010	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	32	Giáp Tuất 1994	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	48	Mậu Ngọ 1978	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
17	Kỷ Sửu 2009	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	33	Quý Dậu 1993	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	49	Đinh Tỵ 1977	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền
18	Mậu Tý 2008	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	34	Nhâm Thân 1992	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	50	Bính Thìn 1976	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền
19	Đinh Hợi 2007	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	35	Tân Mùi 1991	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	51	Ất Mão 1975	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương
20	Bính Tuất 2006	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Tam Kheo Thiên Tinh	36	Canh Ngọ 1990	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	52	Giáp Dần 1974	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng
21	Ất Dậu 2005	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	37	Kỷ Tỵ 1989	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	53	Quý Sửu 1973	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La
22	Giáp Thân 2004	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	38	Mậu Thìn 1988	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	54	Nhâm Tý 1972	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
23	Quý Mùi 2003	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	39	Đinh Mão 1987	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	55	Tân Hợi 1971	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
24	Nhâm Ngọ 2002	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	40	Bính Dần 1986	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Thiên Tinh Tam Kheo	56	Canh Tuất 1970	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
25	Tân Tỵ 2001	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	41	Ất Sửu 1985	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Toán Tận Huỳnh Tuyền	57	Kỷ Dậu 1969	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
26	Canh Thìn 2000	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	42	Giáp Tý 1984	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	58	Mậu Thân 1968	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền

# Chùa An Lạc

1647 East San Fernando Street

San Jose, CA 95116

(408) 254 – 1710

[anlactu1647@proton.me](mailto:anlactu1647@proton.me)

# Bảng Sao Hạn Năm Ất Tỵ 2025

Mệnh Hoả/Cung Cấn,Đoài/ Tam Tai: Hợi,Mão,Mùi

TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN	TUỔI	NĂM	SAO	HẠN
59	Đinh Mùi 1967	Nam: Thá Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	73	Quý Tỵ 1953	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	87	Kỷ Mão 1939	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng
60	Bính Ngọ 1966	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Thiên La Diêm Vương	74	Nhâm Thìn 1952	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	88	Mậu Dần 1938	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La
61	Ất Tỵ 1965	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	75	Tân Mão 1951	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	89	Đinh Sửu 1937	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Huỳnh Tuyền Toán Tận
62	Giáp Thìn 1964	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	76	Canh Dần 1950	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	90	Bính Tý 1936	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận
63	Quý Mão 1963	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	77	Kỷ Sửu 1949	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	91	Ất Hợi 1935	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh
64	Nhâm Dần 1962	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	78	Mậu Tý 1948	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng	92	Giáp Tuất 1934	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ
65	Tân Sửu 1961	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	79	Đinh Hợi 1947	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La	93	Quý Dậu 1933	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo
66	Canh Tý 1960	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	80	Bính Tuất 1946	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	94	Nhâm Thân 1932	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền
67	Kỷ Hợi 1959	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	81	Ất Dậu 1945	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	95	Tân Mùi 1931	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương
68	Mậu Tuất 1958	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	82	Giáp Thân 1944	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh	96	Canh Ngọ 1930	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng
69	Đinh Dậu 1957	Nam: Vân Hớn Nữ: La Hầu	Địa Võng Địa Võng	83	Quý Mùi 1943	Nam: Thổ Tú Nữ: Vân Hớn	Ngũ Mộ Ngũ Mộ	97	Kỷ Tỵ 1929	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Diêm Vương Thiên La
70	Bính Thân 1956	Nam: Kế Đô Nữ: Thái Dương	Địa Võng Địa Võng	84	Nhâm Ngọ 1942	Nam: Thủy Diệu Nữ: Mộc Đức	Thiên Tinh Tam Kheo	98	Mậu Thìn 1928	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Huỳnh Tuyền Toán Tận
71	Ất Mùi 1955	Nam: Thái Âm Nữ: Thái Bạch	Diêm Vương Thiên La	85	Tân Tỵ 1941	Nam: Thái Bạch Nữ: Thái Âm	Toán Tận Huỳnh Tuyền	99	Đinh Mão 1927	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Tam Kheo Thiên Tinh
72	Giáp Ngọ 1954	Nam: Mộc Đức Nữ: Thủy Diệu	Huỳnh Tuyền Toán Tận	86	Canh Thìn 1940	Nam: Thái Dương Nữ: Thổ Tú	Thiên La Diêm Vương	100	Bính Dần 1926	Nam: La Hầu Nữ: Kế Đô	Tam Kheo Thiên Tinh